

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 8 - 2024

V/v: Yêu cầu thay đổi người

trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thắng và ông Đỗ Hồng Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Bà Phạm Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Hữu K, sinh năm 1993 – Có mặt

Địa chỉ: thôn P, xã S, huyện T, Thái Bình

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 – Vắng mặt do đang chấp hành án pHTù

Địa chỉ ĐKHKTT: thôn A, xã L, huyện H, Thái Bình

Hiện đang chấp hành án pHTù tại Phân trại số 1, trại giam P, thuộc Cục C10 Bộ công an; Số A, đường S, thị trấn C, huyện N, tỉnh Thanh Hoá

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1966 – vắng mặt

+ Bà Vũ Thị H, sinh năm 1966 – Có mặt

Điều cư trú tại: thôn A, xã L, huyện H, Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án, nguyên đơn là anh Phạm Hữu K trình bày:

Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2021 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình đã giải quyết cho anh và chị Nguyễn Thị T ly hôn. Do con còn chưa đủ 36 tháng tuổi nên hai bên đã thoả thuận quyết giao con chung là cháu Phạm Hữu T2, sinh ngày 27/11/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/02/2021 đến khi con thành niên. Trước khi anh và chị T ly hôn cháu Phạm Hữu T2 ở cùng với anh ở xã S nhưng sau khi anh và chị t ly hôn cháu và chị T chuyển sang nhà ông Nguyễn Văn T1 và bà Vũ Thị H bố mẹ đẻ chị T ở thôn A, xã L để ở, anh vẫn mua sắm sữa và đồ dùng sinh hoạt cho con. Tháng 3/2023, chị Thuỳ vi phạm pháp luật phải chấp hành án 7 năm tù giam về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý”, hiện nay chị T đang chấp hành án tại trại giam P, Thanh Hoá nên không thể trực tiếp nuôi con, hiện cháu Phạm Hữu T2 đang do bố mẹ đẻ chị T là ông T1 và bà H nuôi dưỡng. Hiện nay anh có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Phạm Hữu T2, chị T không thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu nên đề nghị giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Giao cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hữu T2, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Thuỳ vắng mặt do đang chấp hành án pHTù tại trại giam Thanh Phong, có bản tự khai gửi Toà án với nội dung như sau: Chị không đồng ý thay đổi giao cho anh Phạm Hữu K trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Hữu T2, chị xác định cháu Phạm Hữu T2 hiện đang ở cùng ông bà ngoại trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc tốt nên chị đề nghị Toà án xem xét để ông T1, bà H nuôi cháu giúp cho chị đến lúc chị chấp hành xong bản án.

Biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn T1 và bà Vũ Thị H vào ngày 22/7/2024 và ý kiến tại phiên toà sơ thẩm của bà Vũ Thị H có nội dung: Ông T1, bà H xác nhận việc chị T được giao trực tiếp nuôi cháu Phạm Hữu T2 khi chị T và anh K ly hôn là đúng như anh K trình bày. Sau khi ly hôn, chị T trực tiếp nuôi con đến tháng 3/2023 chị T vi phạm pháp luật bị Toà án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 07 năm tù giam về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, hiện chị Nguyễn Thị t đang chấp hành án tại phân trại số 1, trại giam P thuộc cục C10, Bộ công an. Khi được giao là người trực tiếp nuôi cháu T2 thì vợ chồng ông, bà là người trực tiếp chăm sóc cháu Phạm Hữu T2 giúp chị T để chị T đi làm, chị T lo kinh tế chứ anh K không cấp dưỡng mà chỉ thỉnh thoảng đưa cháu đi chơi mua bánh kẹo, đồ chơi cho cháu, chỉ có 4 lần đưa tiền mỗi lần 1.000.000, ngoài ra anh K không phụ cấp gì để nuôi cháu. Từ khi chị T đi chấp hành án đến nay cháu vẫn ở cùng với ông, bà và được chăm sóc học hành đầy đủ phát triển bình. Mặc dù chị T không uỷ quyền bằng văn bản nhưng có uỷ quyền miệng cho ông, bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T2. Hiện nay ông bà chăm sóc cháu T2 ở tại thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Thái Bình, cháu khoẻ mạnh và phát triển tốt nên ông, bà đề nghị giao cháu cho ông, bà nuôi dưỡng thay cho chị T. Ông, bà không đồng ý giao cháu T2 cho anh K nuôi.

Giấy xác nhận ngày 25/5/2024 của Trại giam P, cục C10 Bộ công an xác nhận: Chị Nguyễn Thị T hiện đang chấp án phạt 7 năm tù giam về tội Tổ chức sử dụng trái

phép chất ma túy theo bản án số 228 ngày 12/09/2023 của Toà án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thụy Liên có nội dung: Chị Nguyễn Thị T có thông tin lý lịch như Toà nhân dân huyện Thái Thụy xác định nêu bên trên là đúng. Chị T và anh K đã ly hôn, đã thoả thuận về việc nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Hữu T2, sinh ngày 27/11/2018 đúng như chứng cứ Toà án nhân dân huyện Thái Thụy trao đổi. Tuy nhiên trên thực tế do chị Nguyễn Thị T vi phạm pháp luật nên chị Thụy không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hữu T2. Địa phương không nhận được văn bản nào về việc chị T uỷ quyền cho bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Văn T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2, nhưng trên thực tế cháu T2 hiện đang do bố mẹ chị Thụy là ông Nguyễn Văn T1 và bà Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn T1 và bà Vũ Thị H hiện làm nông nghiệp, ông bà cũng yêu thương cháu chăm sóc cháu và trách nhiệm với cháu. Nhưng do anh Phạm Hữu K là bố đẻ hiện là người có yêu cầu khởi kiện được trực tiếp chăm sóc cháu. Vì vậy theo quy định của Luật hôn nhân và Gia đình nếu anh Phạm Hữu K có đủ điều kiện nuôi dưỡng con thì anh K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Trong hoàn cảnh hiện nay cháu Phạm Hữu T2 chuẩn bị vào lớp 1 nên đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo ổn định cho việc học tập và phát triển của cháu.

Giấy xác nhận ngày 23/7/2024 của Công an xã S xác nhận: Trong thời gian anh Phạm Hữu K sinh sống tại xã S luôn chấp hành tốt đường chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nội quy, quy định tại địa phương.

Do không hòa giải được nên vụ án phải đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58, 69, 70, 81, 82, 83, Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 1, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hữu K, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, giao cháu Phạm Hữu T2, sinh ngày 27/11/2018 cho anh Phạm Hữu K trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Hữu K không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Phạm Hữu K đề nghị nộp toàn bộ án phí là phù hợp nên đối trừ nghĩa vụ chịu án phí của chị Nguyễn Thị T vào tiền tạm ứng án phí anh Phạm Hữu K đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị T hiện đang chấp hành án không tham gia phiên tòa được nên căn

cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T. Chị T trình bày đã giao con chung là cháu Phạm Hữu T2 cho bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Văn T1 là bố mẹ đẻ chị quản lý và chăm sóc và qua xác minh thực tế ông T1, bà H đang quản lý cháu nên căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông T1 và bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Tại quyết định thỏa thuận ly hôn số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2021 của Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giữa chị Nguyễn Thị Thủy và anh Phạm Hữu K đã giải quyết giao con là Phạm Hữu T2, sinh ngày 27/11/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/02/2021 đến khi con thành niên. Tháng 3/2023, chị T vi phạm pháp luật phải chấp hành án phạt 7 năm tù giam về tội “ Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Việc chị Nguyễn Thị T phải chấp hành án với thời gian dài nên kể từ khi chấp hành án chị Nguyễn Thị T không có điều kiện nuôi dưỡng cháu Phạm Hữu T2. Mặc dù chị Nguyễn Thị Thủy có ý kiến nhờ bố mẹ chị là ông Nguyễn Văn T1 và bà Vũ Thị H nuôi dưỡng cháu Phạm Hữu T2 giúp chị và ông T1, bà H cũng cũng đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 cho đến khi chị Thủy chấp hành án xong, tuy nhiên anh Phạm Hữu K không chấp nhận. Anh Phạm Hữu K đã cung cấp chứng cứ chứng minh có đủ điều kiện về sức khỏe, thu nhập, nơi ở và tư cách đạo đức đều tốt, đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Hữu T2 nên yêu cầu của anh Phạm Hữu K là phù hợp theo quy định tại Điều 84 chấp nhận yêu cầu của anh K, giao cho anh Phạm Hữu K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hữu T2, sinh ngày 27/11/2018 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh K không yêu cầu chị Thủy cấp dưỡng nuôi con. Ông T1, bà H đề nghị được nuôi cháu T2 nhưng hiện nay anh K là bố đẻ có đủ điều kiện chăm sóc, đề nghị của ông T1 và bà H không đúng theo quy định tại Điều 104 Luật hôn nhân và gia đình nên không được chấp nhận.

[3]. *Về án phí:* Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn là chị Nguyễn Thị T phải chịu án dân sự sơ thẩm. Tại phiên toà, anh Phạm Hữu K đề nghị được chịu án phí thay, xét thấy trong điều kiện hiện nay chị Nguyễn Thị T đang chấp hành án nên đề nghị của anh Phạm Hữu K là tự nguyện và phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 70; 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hữu K về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn giữa anh Phạm Hữu K và chị Nguyễn Thị T. Giao cho anh Phạm Hữu K trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Hữu T2, sinh ngày 27/11/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Phạm Hữu K không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị T có quyền thăm nom con chung. Các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Hữu K tự nguyện nộp thay chị Nguyễn Thị T toàn bộ án phí nên tiền án phí được đối trừ vào số tiền tạm ứng anh Phạm Hữu K đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0004164 ngày 11/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Các đương sự đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Anh Phạm Hữu K và bà Vũ Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Trại giam P (nhờ giao bản án cho chị T);
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

